

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ tăng 8.3% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn dự báo 8.1%

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

VHM, CTR

[Cập nhật công ty]

ACB

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

12/05/2022

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,238.84 | -4.82 |
| VN30 | 1,279.76 | -5.19 |
| HĐTL VN30F1M | 1,270.00 | -5.01 |
| HNXIndex | 315.52 | -5.26 |
| HNX30 | 536.12 | -6.66 |
| UPCoM | 96.44 | -2.38 |
| USD/VND | 23,087 | +0.41 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.25 | +9 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 1.83 | +12 |
| Dầu (WTI, \$) | 103.22 | -2.36 |
| Vàng (LME, \$) | 1,847.90 | -0.24 |

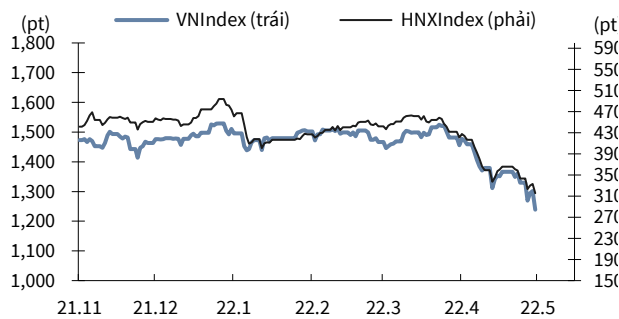


Điểm nhấn thị trường

| | |
|------------------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,238.84 (-4.82%) |
| KLGD (triệu CP) | 557.9 (+58.0%) |
| GTGD (triệu US\$) | 683.3 (+36.4%) |
| | |
| HNXIndex | 315.52 (-5.26%) |
| KLGD (triệu CP) | 74.2 (+48.1%) |
| GTGD (triệu US\$) | 66.7 (+48.7%) |
| | |
| UPCoM | 96.44 (-2.38%) |
| KLGD (triệu CP) | 34.3 (+41.1%) |
| GTGD (triệu US\$) | 22.1 (+38.0%) |
| | |
| NĐTNN mua ròng (triệu US\$) | -4.1 |

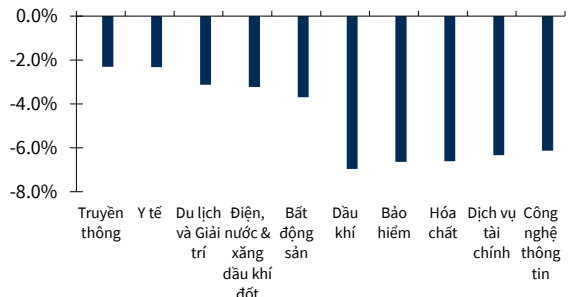
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ tăng 8.3% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn dự báo 8.1%. StoneX nhận định thị trường đường thế giới niên vụ 2022/2023 sẽ đối mặt với tình trạng dư cung tới 4.1 triệu tấn đường do sản lượng đường tại khu vực châu Á dự kiến tăng tới 5% YoY trong khi nhu cầu được dự báo sẽ chỉ tăng 1.1% YoY tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm đường ở SBT (-6.9%), LSS (-6.8%). Theo Fastmarkets RISI, chính sách Zero Covid đang được triển khai nghiêm ngặt tại Trung Quốc đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp giấy tại nước này và Đông Nam khiến hoạt động sản xuất và tiêu thụ giấy bao bì công nghiệp tiếp tục bị hạn chế trong tháng 5 khiến cổ phiếu ngành giấy giảm điểm HHP (-2.3%), DHC (-1.1%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-5.9%), VIC (-1.9%), VCB (-3.8%).

VNIndex & HNXIndex



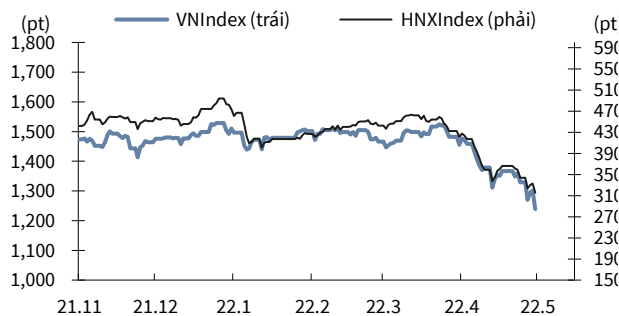
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

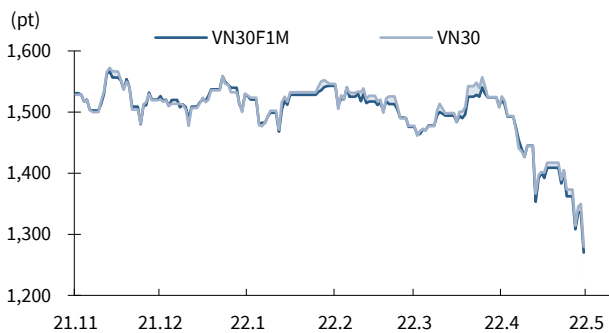
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,279.76 (-5.19%) |
| VN30F1M | 1,270.0 (-5.01%) |
| Mở cửa | 1,334.0 |
| Cao nhất | 1,334.0 |
| Thấp nhất | 1,262.0 |

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch giữa VN30 và F2205 mở cửa ở mức thấp nhất ngày - 20.81 điểm, sau đó biến động trong mức âm suốt phiên và đóng cửa tại mức - 9.76 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

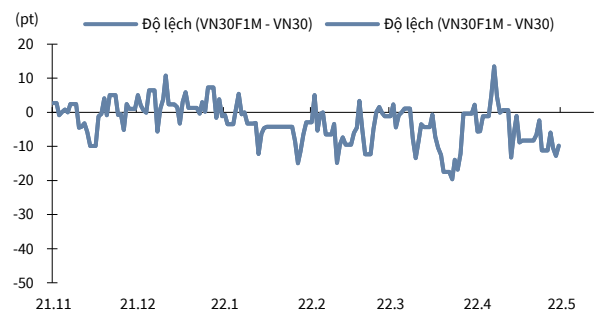
KLGD (HĐ) **347,656 (+16.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



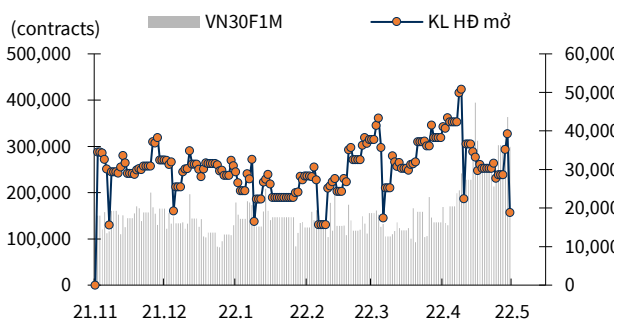
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



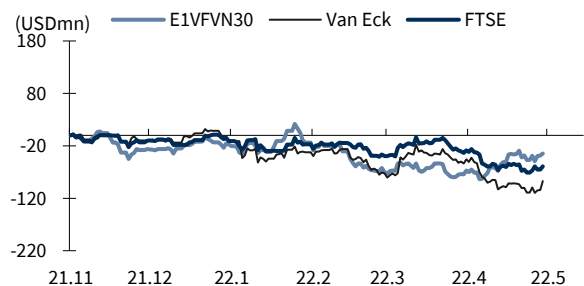
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

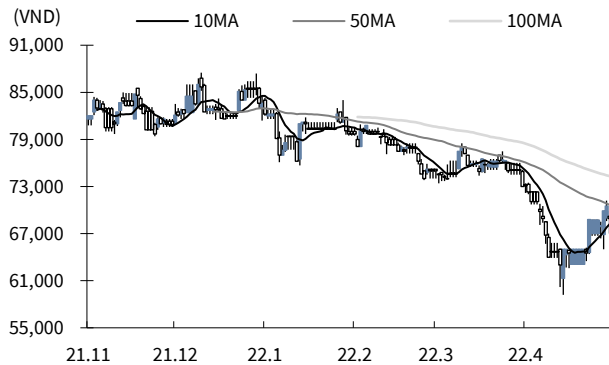
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

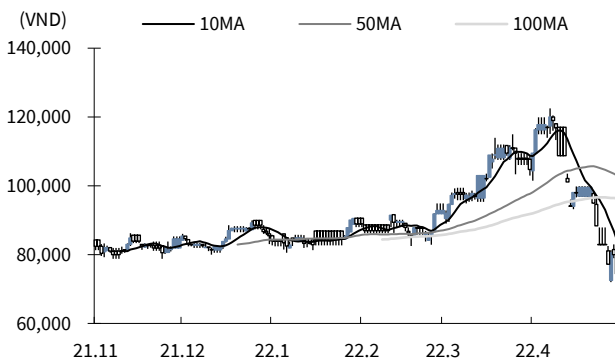
CTCP Vinhomes (VHM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM giảm 1.6% xuống 68,900 VND/cp
- Vinhomes đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 30,000 tỷ đồng (-23% YoY) và doanh thu đạt 75,000 tỷ đồng (-12% YoY). Dự kiến năm nay công ty sẽ mở bán 4 dự án bao gồm Vinhomes Ocean Park 2, Đại An (Hưng Yên), Đan Phượng và Cổ Loa (Hà Nội). Vinhomes có kế hoạch hoàn thành 500,000 căn nhà ở xã hội với tổng diện tích từ 50 đến 60 ha mỗi dự án, mức giá bán dự kiến từ 300 triệu đồng đến 950 triệu đồng/căn.

Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (CTR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR giảm 7.0% xuống 74,400 VND/cp
- Lũy kế đến hết tháng 4, Viettel Construction đạt lợi nhuận trước thuế 152.4 tỷ đồng (+25% YoY), đạt 29.5% kế hoạch năm 2022 và doanh thu 2,717.3 tỷ đồng (+16% YoY), hoàn thành 32% kế hoạch năm. Viettel Construction hoàn thành 364/2,500 trạm viễn thông (BTS), đạt 14.6% kế hoạch năm 2022. Theo đó, tính đến thời điểm hiện tại, Viettel Construction sở hữu 2.785 trạm BTS.

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu

Chuyên viên Phân tích Tài chính
 Nguyễn Đức Huy
 huynh1@kbsec.com.vn

11/05/2022

LNTT 1Q2022 tăng 22.9%YoY, đạt 6,785 tỷ đồng.

ACB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 1 đạt 5,441 tỷ VND (+13.5%QoQ và +17.3%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 1,409 tỷ VND (+19.8%QoQ và +36.1%YoY). Ngân hàng ghi nhận hoàn nhập 2.84 tỷ VND chi phí dự phòng trong khi chi phí dự phòng cùng kỳ là 606 tỷ VND. Nhờ đó, LNTT 1Q2022 tăng khoảng 32.5%YoY, đạt 4,114 tỷ VND.

NIM 1Q2022 đạt 4.22%, tăng 32bps QoQ và giảm nhẹ 8bps YoY.

Lợi suất đầu ra bình quân 1Q2022 tăng nhẹ 13bps QoQ, đạt 7.02%. Tỷ lệ CASA tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 26.7% giúp tiết giảm 20bps QoQ cho chi phí vốn. Biên lãi thuần (NIM) nhờ đó tăng 32bps QoQ, đạt 4.22%.

Chất lượng tài sản 1Q2022 duy trì sự khả quan.

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2022 tăng nhẹ 5bps so với cuối năm 2021 do chuyển dịch nợ nhóm 2 xuống các nhóm thấp hơn. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm còn 187.8% - vẫn ở mức cao so với ngành. Nợ tái cơ cấu kéo theo tiếp tục giảm 2,000 tỷ VND xuống còn 15,000 tỷ VND (chiếm 3.95% tổng dư nợ).

Kế hoạch kinh doanh và trả cổ tức năm 2022

Tăng trưởng tín dụng và tiền gửi mục tiêu ở mức 10%YoY và 11%YoY. Lợi nhuận trước thuế mục tiêu với mức tăng trưởng tín dụng trên là khoảng 15 nghìn tỷ VND, tăng 25%YoY. Cổ đông thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 25% và cho năm 2022 là 10% tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu.

Cho vay bán lẻ vẫn còn nhiều động lực trong năm 2022.

Chúng tôi đánh giá mảng cho vay mua nhà của ngân hàng sẽ khả quan trong năm 2022 do (1) ACB không cho vay đầu tư, xây dựng bất động sản nên chịu ít tác động từ siết tín dụng bất động sản; (2) nguồn cung hồi phục tại thị trường HCM cùng nhu cầu mua nhà cao; (3) dư địa tăng trưởng tín dụng vẫn còn khi ngân hàng mới sử dụng 4.1%/10% được NHNN cấp từ đầu năm. Mảng cho vay thương mại sẽ được thúc đẩy bởi hoạt động xuất nhập khẩu đang được hưởng lợi từ xung đột.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 40,700 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu ACB là 40,700 VND/cp, cao hơn 32.3% so với giá tại ngày 10/05/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

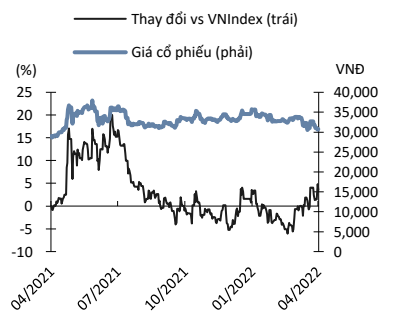
| Giá mục tiêu | VND 40,700 |
|-----------------------------|------------|
| Tăng/giảm | 32.3% |
| Giá hiện tại (10/05/2022) | 30,800 |
| Giá mục tiêu thị trường | 42,800 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VND) | 83,220 |

| Dữ liệu giao dịch | |
|----------------------------------|--------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) | 84.54% |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VND) | 172 |
| Sở hữu nước ngoài (%) | 0% |
| Cơ cấu cổ đông | |
| Dragon Financial Holding | 6.92% |

| Biến động giá cổ phiếu | | | | |
|------------------------|------|------|------|-------|
| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
| Tuyệt đối | -0.6 | -5.5 | -4.6 | -15.0 |
| Tương đối | 2.1 | 7.6 | 4.2 | -9.7 |

| Dự phóng KQKD & định giá | | | | |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Cuối năm tài chính | 2020A | 2021A | 2022F | 2023F |
| Thu nhập lãi thuần (tỷ VND) | 14,582 | 18,945 | 24,332 | 28,260 |
| LN trước CF DPRRTD (tỷ VND) | 10,537 | 15,334 | 18,761 | 21,475 |
| LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND) | 7,683 | 9,603 | 13,664 | 16,312 |
| EPS | 3,511 | 3,498 | 4,046 | 3,864 |
| Tăng trưởng EPS (%) | -3.3% | -0.4% | 15.7% | -4.5% |
| PER (x) | 8.95 | 9.71 | 10.07 | 10.55 |
| Giá trị sổ sách/CP (BVPS) | 15,906 | 16,219 | 18,794 | 21,005 |
| PBR (x) | 1.98 | 2.09 | 2.17 | 1.94 |
| ROE (%) | 24.3% | 23.9% | 24.9% | 21.1% |
| Tỷ lệ cổ tức (%) | 30% | 25% | 25% | 25% |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

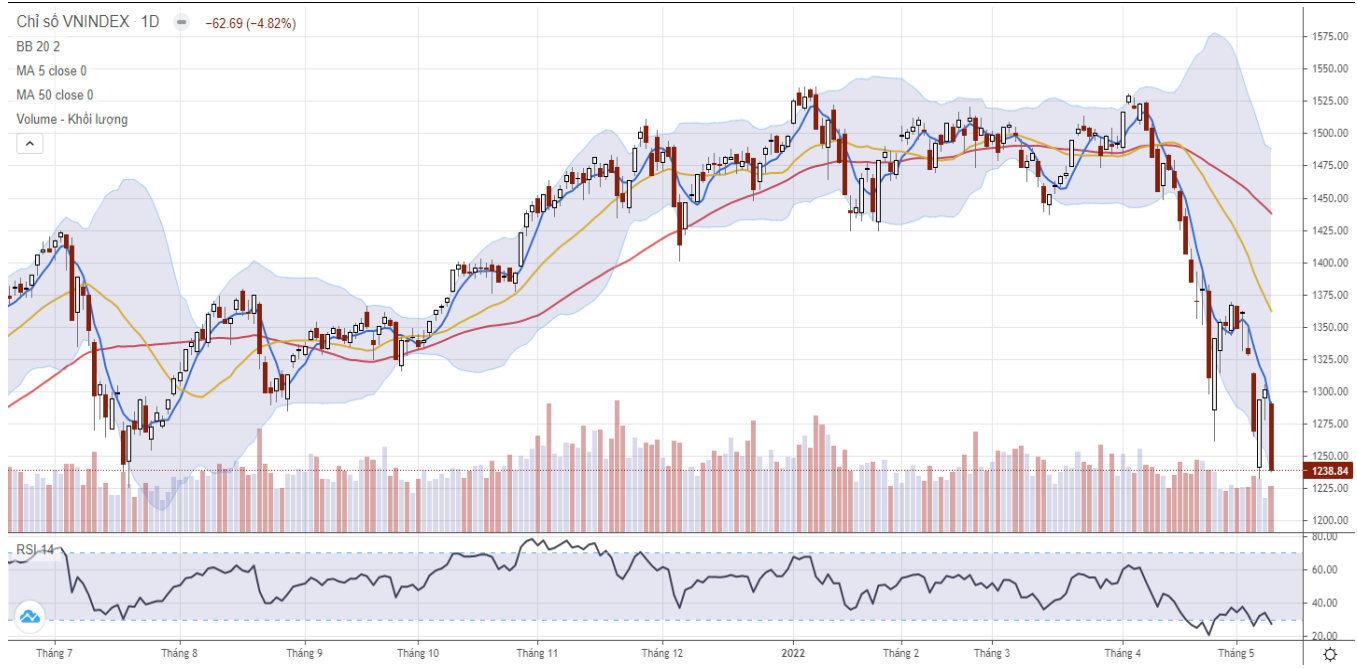


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

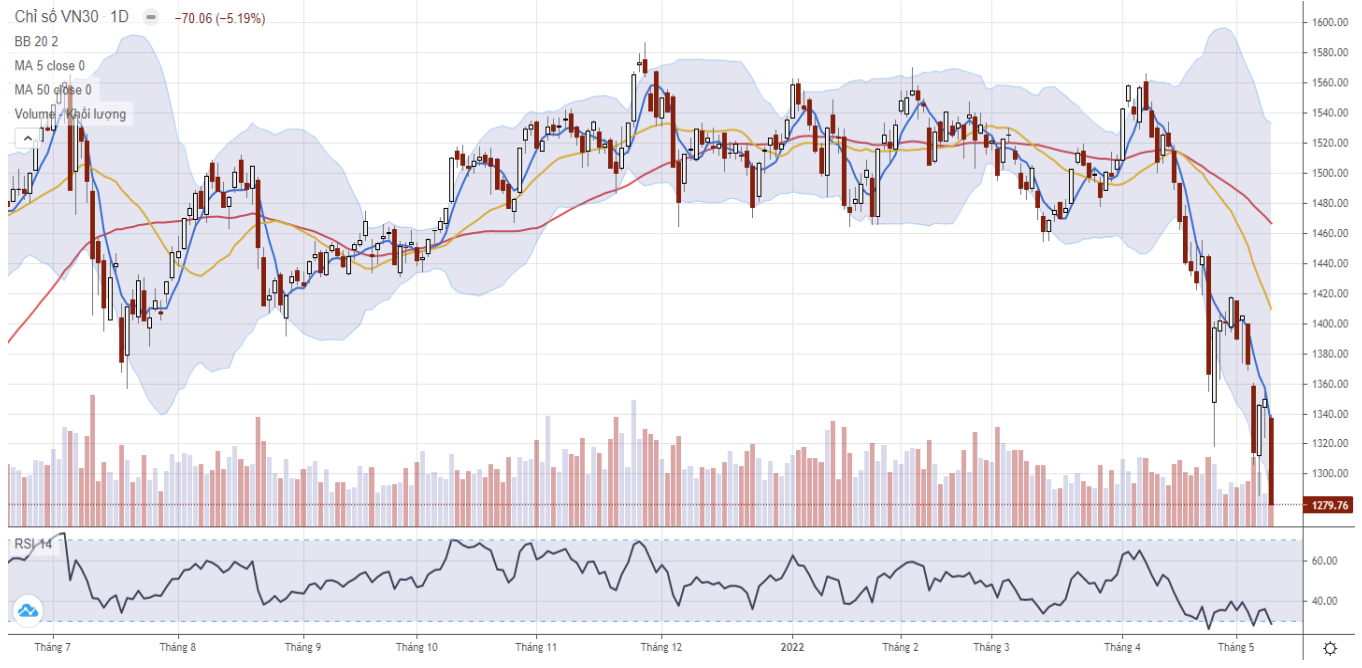
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



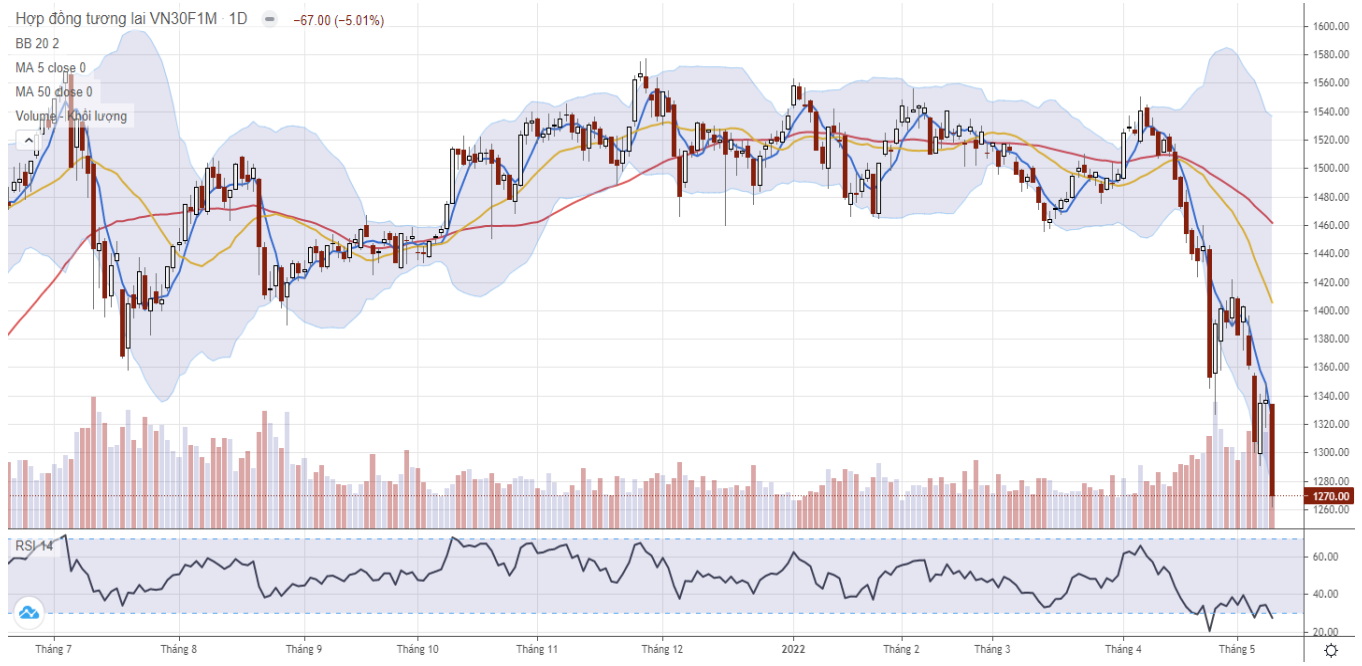
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm giằng co trong phiên trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng tại vùng giá thấp khiến cho chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng 126x và một lần quay xuống kiểm định lại vùng đáy ngắn hạn. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1200-1220 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1308 – 1310

Kháng cự gần: 1287 – 1292

Hỗ trợ gần: 1245 – 1250

Hỗ trợ xa: 1228 – 1231

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm giảm co trong phiên trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Sau khi đánh mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh 131x, áp lực bán tiếp tục gia tăng khiến cho chỉ số phá vỡ vùng đáy ngắn hạn. Trong kịch bản tiêu cực, F1 sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1220-1240 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

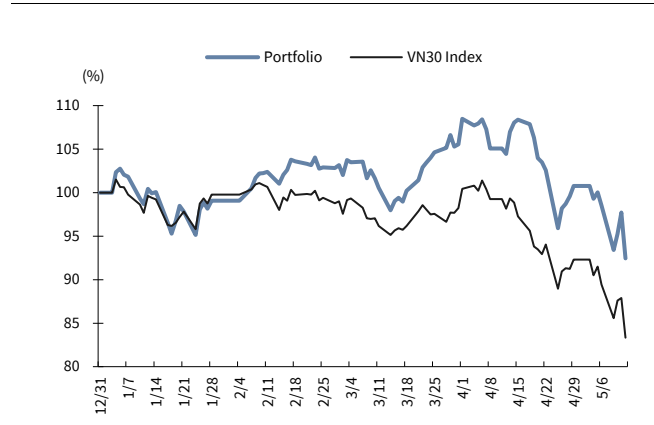
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -5.19% | -5.38% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -16.67% | -7.55% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 12/05/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 134,400 | -4.7% | 76.5% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Dam Phu My (DPM) | 04/03/2022 | 53,200 | -7.0% | -1.7% | - Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 101,100 | -5.5% | 29.3% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 180,000 | -3.7% | -2.6% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 87,000 | -6.0% | 138.2% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 95,600 | -6.2% | 222.9% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 25,000 | -6.4% | 33.0% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 105,600 | -3.0% | 42.9% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 38,250 | -5.9% | 176.0% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbanc City Development (KBC) | 09/03/2020 | 39,000 | -5.3% | 192.0% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| STB | -6.8% | 21.1% | 49.7 |
| DGC | -7.0% | 14.7% | 43.9 |
| VNM | -4.3% | 54.4% | 34.0 |
| HDG | -6.9% | 11.8% | 16.7 |
| VHM | -2.3% | 23.3% | 11.6 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | -5.9% | 21.7% | -186.9 |
| VIC | -1.9% | 12.6% | -57.5 |
| VCB | -3.8% | 23.6% | -7.4 |
| FUEVFNVD | -5.6% | 97.8% | -25.5 |
| DIG | -6.9% | 2.4% | -10.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVI | -5.8% | 58.1% | 2.7 |
| SHS | -7.4% | 8.2% | 2.1 |
| APS | -8.5% | 1.0% | 0.5 |
| OCH | -9.5% | 0.0% | 0.5 |
| IVS | 0.0% | 71.3% | 0.3 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCS | -2.5% | 3.3% | -6.0 |
| PVS | -10.0% | 9.0% | -2.5 |
| THD | -9.8% | 1.5% | -2.2 |
| PLC | -7.7% | 1.7% | -0.6 |
| PSD | -9.7% | 0.0% | -0.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Y tế | -4.1% | APC, SPM |
| Truyền thông | -4.7% | PNC, YEG |
| Bất động sản | -5.0% | VHM, FIR |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -5.2% | TMP, CHP |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -7.1% | REE, PDN |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dầu khí | -18.1% | PLX, PVD |
| Hóa chất | -16.8% | GVR, DGC |
| Dịch vụ tài chính | -15.3% | VND, SSI |
| Bảo hiểm | -13.8% | BVH, BMI |
| Xây dựng và Vật Liệu | -13.6% | VGC, VCG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -9.9% | TMP, CHP |
| Bất động sản | -11.4% | BCM, FIR |
| Y tế | -11.5% | SPM, OPC |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -12.6% | REE, HAH |
| Thực phẩm và đồ uống | -13.6% | VHC, VCF |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | -34.6% | SSI, VND |
| Dầu khí | -32.5% | PLX, PVD |
| Xây dựng và Vật Liệu | -30.2% | VGC, VCG |
| Hóa chất | -29.1% | GVR, DCM |
| Ô tô và phụ tùng | -25.4% | TCH, DRC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn) | GTGD (VND triệu, USD Mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 177,195 (7.7) | 22.5 | 72.5 | 38.8 | 14.7 | 4.4 | 7.3 | 3.0 | 2.7 | -1.9 | -1.3 | -2.8 | -16.9 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 340,332 (14.8) | 26.6 | 8.7 | 7.2 | 35.9 | 23.7 | 22.9 | 1.9 | 1.5 | -2.3 | 0.1 | -5.6 | -16.0 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 126,490 (5.5) | 17.8 | 25.1 | 16.7 | -7.6 | 8.2 | 11.1 | 1.9 | 1.8 | -6.9 | 11.2 | 13.5 | -10.6 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 293,023 (12.8) | 31.3 | 25.4 | 17.0 | 6.7 | 15.6 | 18.8 | 3.5 | 2.8 | -4.3 | -7.3 | 11.4 | -17.3 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 55,677 (2.4) | 11.6 | 19.4 | 15.6 | 13.7 | 13.7 | 14.4 | 2.2 | 1.9 | -3.1 | -8.4 | 15.7 | -17.2 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 327,174 (14.3) | 13.9 | 11.9 | 6.2 | - | 15.1 | 12.4 | 1.4 | 1.7 | -6.9 | 17.6 | 22.4 | -17.6 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 101,550 (4.4) | 6.3 | 14.0 | 11.4 | 11.7 | 20.9 | 21.7 | 2.7 | 2.2 | -3.8 | -4.9 | -6.6 | -2.3 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 73,341 (3.2) | 12.7 | 12.3 | 9.0 | -5.3 | 17.4 | 20.1 | 1.8 | 1.4 | -6.9 | 12.0 | 16.9 | -9.4 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 368,649 (16.1) | 0.0 | 5.9 | 4.9 | 14.3 | 21.0 | 20.6 | 1.1 | 0.9 | -6.9 | 14.8 | 24.4 | -27.4 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 138,781 (6.0) | 1.4 | 6.1 | 5.1 | 50.3 | 20.1 | 20.9 | 1.1 | 0.9 | -6.4 | 10.4 | 19.4 | -26.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 709,825 (30.9) | 0.0 | 8.9 | 7.5 | 18.8 | 16.7 | 17.1 | 1.4 | 1.2 | -6.9 | 12.5 | 20.3 | -13.1 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 336,962 (14.7) | 0.0 | 6.3 | 5.1 | 14.6 | 24.1 | 23.4 | 1.3 | 1.0 | -6.7 | 11.6 | 20.5 | -11.2 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 81,923 (3.6) | 4.2 | 6.4 | 5.3 | 23.3 | 22.4 | 21.9 | 1.2 | 1.0 | -5.4 | -8.7 | 17.4 | -25.6 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 339,035 (14.8) | 14.0 | 9.5 | 5.6 | 26.5 | 13.9 | 17.8 | 1.1 | 0.9 | -6.8 | 18.4 | 28.7 | -30.3 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 120,297 (5.2) | 0.0 | 7.4 | 6.0 | 37.4 | 23.0 | 22.6 | 1.6 | 1.3 | -5.5 | -7.6 | 17.0 | -23.0 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 6,716 (0.3) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | 0.5 | 5.5 | -6.5 | -6.2 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 147,445 (6.4) | 21.0 | 18.3 | 15.7 | 15.8 | 10.2 | 11.1 | 1.8 | 1.6 | -6.8 | 14.8 | -9.2 | -2.7 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 22,772 (1.0) | 14.2 | 30.9 | 14.0 | 9.1 | 11.6 | 13.5 | 3.4 | 1.6 | -7.0 | 15.8 | 17.1 | -26.6 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 352,821 (15.4) | 55.4 | 11.5 | 10.9 | -3.2 | 18.9 | 15.2 | - | - | -6.9 | 16.8 | 38.3 | -50.2 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 104,811 (4.6) | 71.9 | - | - | -4.0 | 27.1 | - | - | - | -6.9 | 19.1 | 39.5 | -55.6 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 97,607 (4.3) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | -6.8 | 15.6 | 34.5 | -53.5 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 388,602 (16.9) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | -6.9 | 18.8 | 28.6 | -29.2 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 170,664 (7.4) | 42.1 | 14.8 | 13.5 | 4.0 | 28.8 | 31.1 | 4.0 | 3.8 | -4.3 | -7.8 | 13.4 | -23.0 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 39,598 (1.7) | 36.9 | 24.7 | 20.4 | 7.3 | 19.3 | 21.5 | 4.5 | 4.0 | 0.9 | -2.7 | 1.0 | 9.2 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 132,454 (5.8) | 16.5 | 28.5 | 20.2 | -51.9 | 14.5 | 19.7 | 4.0 | 3.3 | -7.0 | 12.5 | 17.0 | -26.9 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 61,702 (2.7) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -6.9 | 10.8 | 32.1 | -49.0 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 85,180 (3.7) | 11.0 | - | - | -88.5 | - | - | - | - | -1.3 | -4.6 | -9.6 | -2.7 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 158,523 (6.9) | 10.8 | 22.6 | 19.8 | -57.0 | 12.2 | 13.7 | 2.6 | 2.4 | -1.1 | 0.4 | 7.3 | 18.2 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 143,029 (6.2) | 38.4 | 6.9 | 9.0 | 65.7 | 14.1 | 9.3 | 0.9 | 0.9 | -3.9 | 10.5 | 30.9 | -57.5 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 62,493 (2.7) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -6.2 | -7.5 | -8.2 | -64.4 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 424,876 (18.5) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | -6.9 | 22.3 | 34.6 | -45.5 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 64,783 (2.8) | 3.6 | 9.8 | 7.3 | -52.4 | 4.2 | 5.4 | 0.4 | 0.4 | -7.0 | 18.3 | 42.3 | -57.9 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 89,188 (3.9) | 0.0 | 13.7 | 11.3 | -4.5 | 13.8 | 14.4 | 1.8 | 1.6 | -6.0 | 5.8 | 10.0 | 25.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 80,410 (3.5) | 46.1 | 17.2 | 15.8 | -17.5 | 20.7 | 19.6 | 3.6 | 3.4 | -3.0 | -3.5 | -3.0 | 9.8 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 25,443 (1.1) | 31.4 | 10.0 | 8.9 | -10.5 | 15.7 | 16.1 | 1.4 | 1.3 | -5.6 | -7.9 | -8.7 | -20.2 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 2,562 (0.1) | 34.1 | 13.3 | 8.7 | -5.1 | 9.8 | 16.2 | 1.1 | 1.1 | -3.3 | -6.6 | 17.5 | -26.6 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 745,209 (32.5) | 18.0 | 5.8 | 5.7 | 21.9 | 29.7 | 23.4 | 1.4 | 1.2 | -5.9 | -9.0 | 15.2 | -17.6 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 420,219 (18.3) | 36.5 | 5.6 | 11.6 | -0.5 | 31.6 | 15.2 | 1.6 | 1.5 | -7.0 | 15.7 | 18.4 | 6.4 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 222,582 (9.7) | 46.5 | 6.6 | 9.7 | -4.5 | 29.9 | 17.6 | 1.7 | 1.5 | -6.9 | 17.4 | 23.7 | -17.8 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 213,474 (9.3) | 38.9 | 3.7 | 4.2 | 67.9 | 24.0 | 19.9 | 0.8 | 0.7 | -6.9 | -7.5 | 30.5 | -39.0 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 60,583 (2.6) | 97.2 | 11.2 | 10.1 | 17.2 | 7.0 | 7.6 | 0.8 | 0.8 | -6.9 | 13.8 | 30.6 | -42.8 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 71,601 (3.1) | 4.6 | 14.2 | 11.3 | -51.0 | 14.1 | 15.9 | 1.4 | 1.4 | -7.0 | 18.9 | 29.3 | -28.4 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 19,500 | 9,854 (428) | 160,597 (7.0) | 39.9 | 22.2 | 10.4 | -11.9 | 3.3 | 5.9 | 0.6 | 0.6 | -6.8 | 13.7 | 26.6 | -28.4 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 75,850 (3.3) | 35.9 | 6.6 | 5.7 | 2.2 | 16.5 | 16.4 | 1.0 | 0.8 | -6.9 | 13.9 | 23.3 | -26.8 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 341,101 (14.9) | 0.0 | 15.0 | 12.5 | 14.4 | 27.6 | 27.2 | 4.0 | 3.3 | -4.7 | 10.0 | 12.0 | -1.1 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 121,693 (5.3) | 0.0 | 16.3 | 13.0 | 2.4 | 22.4 | 22.0 | 3.0 | 2.5 | -5.5 | -8.1 | 10.1 | 5.1 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 5,091 (0.2) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -5.5 | -4.5 | 20.8 | -32.7 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 166,823 (7.3) | 30.3 | 14.5 | 12.1 | -75.2 | 30.5 | 28.4 | 4.1 | 3.1 | -7.0 | 23.0 | 19.0 | 17.2 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 74,953 (3.3) | 34.6 | 7.9 | 8.9 | 41.2 | 35.0 | 25.3 | 2.2 | 1.9 | -7.0 | 14.6 | 23.5 | -17.4 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 2,385 (0.1) | 45.4 | 16.0 | 14.8 | 10.7 | 20.1 | 19.9 | 3.0 | 2.7 | -1.5 | -2.5 | -5.4 | -14.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 363,245 (15.8) | 0.0 | 17.2 | 13.8 | 15.5 | 26.8 | 28.5 | 4.2 | 3.6 | -6.2 | -8.7 | 12.9 | 2.8 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.